SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẢNG NAM

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2017-2018
Môn: Hóa học - Lớp 10

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

CHƯƠNG 5. NHÓM HALOGEN

Bài 22. CLO

-Tính chất vật lí, trạng thái tự nhiên, ứng dụng của clo, phương pháp điều chế clo trong phòng thí nghiệm, trong công nghiệp.

- Nêu được tính chất hóa học cơ bản của clo là tính oxi hóa mạnh. Giải thích và viết được PTHH minh họa.
- Nêu được clo còn thể hiện tính khử trong phản ứng hóa học và dẫn ra PTHH minh họa.
- Nêu tóm tắt một số ứng dụng của clo, phương pháp điều chế clo và thu khí clo trong phòng thí nghiệm, trong công nghiệp và viết được PTHH minh họa .
- Vận dụng để giải bài tập: tính thể tích khí clo trong phản ứng.

Bài 23. HIĐRO CLORUA - AXIT CLOHIĐRIC VÀ MUỐI CLORUA

- Tính chất của HCl và dung dịch HCl. Viết các phương trình hóa học minh họa tính chất axit, tính oxi hóa, tính khử của dung dịch HCl.
- Vận dụng giải bài tập: phân biệt các chất dung dịch, tính % khối lượng hoặc thể tích trong hỗn hợp, tính nồng độ hoặc thể tích dung dịch...

Bài 24. SƠ LƯỢC VỀ HỢP CHẤT CÓ OXI CỦA CLO

- Nêu được công thức hóa học các hợp chất có oxi của clo, số oxi hóa của clo trong các hợp chất đó, nêu được tính oxi hóa mạnh của nước Gia-ven, clorua vôi và giải thích.
- Nêu tóm tắt nguyên tắc và phương pháp sản xuất một số hợp chất có oxi của clo, viết được các phương trình hóa học minh họa (nếu có).

Bài 25. FLO, BROM, IOT

- Nêu và giải thích được flo có tính oxi hóa mạnh, và mạnh nhất trong các halogen. Viết phương trình hóa học minh họa.
- Nêu và giải thích được brom có tính oxi hóa mạnh nhưng kém flo và clo, mạnh hơn iot. Viết phương trình hóa học minh họa.
- Nêu và giải thích được iot có tính oxi hóa mạnh, nhưng yếu nhất trong các halogen. Viết phương trình hóa học minh họa.
- Nêu sơ lược về tính chất vật lí, trạng thái tự nhiên, ứng dụng, điều chế flo, brom, iot.
- Vận dụng giải một số bài tập:
    + Phân biệt một số dung dịch,
    + Khử chất thải sau phản ứng,
    + Tinh chế chất,
    + Tính toán lượng chất (khối lượng dung dịch) trong phản ứng,
    + Tính % chất trong hỗn hợp.

CHƯƠNG 6. OXI - LƯU HUỲNH

Bài 29. OXI - OZON

- Nêu và giải thích được oxi có tính oxi hóa mạnh. Viết được các phương trình hóa học minh họa.
- Nêu và giải thích được ozon có tính oxi hóa mạnh nhưng mạnh hơn oxi. Viết được các phương trình hóa học minh họa.
- Nêu được phương pháp điều chế oxi, sự hình thành ozon và một số ứng dụng. Viết các phương trình hóa học nếu có.

- Vận dụng giải bài tập:
  + Phân biệt chất khí,
  + Tính % thể tích hoặc % khối lượng các chất trong hỗn hợp.

Bài 30. LƯU HUỲNH

- Nêu được và giải thích được: Lưu huỳnh vừa có tính oxi hoá(tác dụng với kim loại, với hiđro), vừa có tính khử (tác dụng với oxi, chất oxi hoá mạnh).
- Nêu được hai dạng thù hình phổ biến của lưu huỳnh.
- Vận dụng giải bài tập:
  + Tính % khối lượng trong hỗn hợp,
  + Tính khối lượng lưu huỳnh, hợp chất của lưu huỳnh tham gia và tạo thành trong phản ứng.

Bài 32. HIĐRO SUNFUA. LƯU HUỲNH ĐIOXIT. LƯU HUỲNH TRIOXIT

- Nêu và giải thích được H_2S có tính khử mạnh. Dẫn ra các phản ứng hóa học và viết phương trình hóa học minh họa. Nêu được tính chất vật lí, trạng thái tự nhiên, tính axit yếu, ứng dụng của H_2S. Viết phương trình hóa học minh họa nếu có.
- Nêu và giải thích được SO_2 vừa có tính oxi hoá vừa có tính khử. Dẫn ra các phản ứng hóa học và viết phương trình hóa học minh họa. Nêu được tính chất vật lí, trạng thái tự nhiên, tính oxit axit, ứng dụng, phương pháp điều chế SO_2. Viết phương trình hóa học minh họa nếu có.
- Biết H_2S và SO_2 là chất gây độc hai, gây ô nhiễm môi trường.
- Vận dụng giải bài tập:
  + Phân biệt chất khí (dung dịch),
  + Tính % thể tích khí trong hỗn hợp.
  + Tính khối lượng muối tạo thành khi cho H_2S, SO_2 tác dụng với dung dịch kiềm.

Bài 33. AXIT SUNFURIC- MUỐI SUNFAT

- Nêu được tính axit mạnh của H_2SO_4và dẫn ra các phản ứng hóa học minh họa.
- Nêu và giải thích được H_2SO_4 đặc, nóng có tính oxi hoá mạnh (oxi hoá hầu hết kim loại, nhiều phi kim và hợp chất) và tính háo nước. Dẫn ra các phương trình hóa học minh họa.
- Nêu được một số tính chất của muối sunfat, phương pháp nhận biết ion sunfat và viết các phương trình hóa học (nếu có).
- Vận dụng giải bài tập:
  + Tính % khối lượng chất trong hỗn hợp khi cho kim loại tác dụng với axit loãng, đặc,
  + Tính khối lượng hoặc nồng độ chất trong phản ứng.

CHƯƠNG 7. TỐC ĐỘ PHẢN ỨNG VÀ CÂN BẰNG HOÁ HỌC

Bài 36. TỐC ĐỘ PHẢN ỨNG HOÁ HỌC

- Nêu được định nghĩa tốc độ phản ứng và nêu thí dụ cụ thể.
- Nêu được ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng khi thay đổi nồng độ, áp suất, nhiệt độ, diện tích tiếp xúc, chất xúc tác và dẫn ra các thí dụ minh họa.
- Vận dụng giải bài tập:
  + Dự đoán hiện tượng khi làm thay đổi một hoặc một vài yếu tố,
  + Đề xuất biện pháp để thực hiện tăng tốc độ phản ứng có lợi và giảm tốc độ phản ứng có hại.

Bài 38. CÂN BẰNG HOÁ HỌC

- Nêu được định nghĩa về cân bằng hoá học và dẫn ra thí dụ minh họa.
- Trình bày được sự ảnh hưởng của các yếu tố nhiệt độ, nồng độ, chất xúc tác... đến sự chuyển dịch cân bằng hóa học và rút ra kết luận chung : Nội dung nguyên lí Lơ Sa- tơ- liê.
- Vận dụng:
  + Dự đoán chiều của phản ứng thuận nghịch khi thay đổi một yếu tố cụ thể;
  + Đề xuất biện pháp làm tăng hiệu suất phản ứng theo sản phẩm mong muốn

II. MA TRẬN ĐỀ

(Trắc nghiệm 15 câu x 1/3 điểm= 5,0 điểm; Tự luận: 3 câu (Câu 1: 1,5 điểm; Câu 2: 1,5 điểm; Câu 3: 2 điểm)

Chủ đề Chuẩn KTKN	Cấp độ tư duy								Cộng
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1. Clo	1								1
2. Axit clohidric và muối clorua	1								1
3. Sơ lược về hợp chất có oxi của clo	1								1
4. Flo – Brom – Iot	1								1
5. Tổng hợp chương 5			1				1		2
6. Oxi - Ozon	1								1
7. Lưu huỳnh	1								1
8. H_2S – SO_2 – SO_3	1			½ (0,5 đ)					1.5
9. Axit sunfuric và muối sunfat	1								1
10. Tổng hợp chương 6			1				1		2
11. Tốc độ phản ứng và cân bằng hóa học	1		1						2
12. Kiến thức tổng hợp		½ (1 đ)		½+½ (1,5 đ)		½+½ (2 đ)	1		3.5
Cộng	9 30%	1/2 10%	3 10%	3/2 20%		1 20%	3 10%		18 100%

Học sinh được sử dụng bảng hệ thống tuần hoàn

;;